

Số: 34/BC-UBND

Dương Hòa, ngày 27 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác Chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020 và mục tiêu nhiệm vụ giải pháp giai đoạn 2023-2030 tầm nhìn 2045

Thực hiện Công văn số 76-CV/ĐU ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc đề nghị UBND xã báo cáo kết quả thực hiện công tác Chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020 và mục tiêu nhiệm vụ giải pháp giai đoạn 2023-2030 tầm nhìn 2045. UBND xã Dương Hòa báo cáo các nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Chính sách ưu đãi người có công cách mạng

Thường xuyên tham mưu, thực hiện đầy đủ các chính sách của nhà nước đối với đối tượng hưởng chính sách như lĩnh vực người có công, thân nhân liệt sỹ, đối tượng thương binh, tù đầy, tuyên truyền hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách đối với người có công cách mạng và giải quyết những vấn đề phát sinh liên quan đến lĩnh vực người có công. Thường xuyên chi trả chế độ phụ cấp hàng tháng và chế độ hưởng MTP kịp thời theo quy định(có mục số liệu cụ thể kèm theo)

Trên địa bàn xã Dương Hòa đã triển khai thực hiện sửa chữa nhà ở theo Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND thị xã Hương Thủy, số lượng sửa chữa là 07 nhà * 20.000.000 = 140.000.000đ, không có xây mới

UBND xã đã mời các hộ được hỗ trợ kinh phí sửa chữa nhà ở lên cam kết thời gian sửa chữa và thời gian hoàn thành công việc là: kể từ 03/5/2018 đến tháng 7/2018. Hiện nay, 07 hộ đã được giải ngân số tiền được hỗ trợ và nghiệm thu đưa vào sử dụng

- Về việc làm; thu nhập:

Thường xuyên tuyên truyền vận động đoàn viên, thanh niên học nghề ngắn hạn, dài hạn để giải quyết việc phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp, trung tâm tư vấn việc làm, xuất khẩu lao động nhằm tạo điều kiện để đoàn viên thanh niên có việc làm ổn định cụ thể :

Năm 2012: 65 lao động có việc làm mới, năm 2013: 72 lao động có việc làm mới; Năm 2014: 75 lao động có việc làm mới; năm 2015: 78 lao động có việc làm mới; Năm 2016 80 lao động có việc làm 105 lao động, năm 2017 lao động có việc làm 106 lao động, năm 2018 lao động có việc làm 112 lao động(trong đó có 5 lao động nước ngoài), năm 2019 lao động có việc làm 113 lao động(trong đó có 6 lao động nước ngoài), năm

2020 lao động có việc làm 113 lao động(trong đó có 05 lao động nước ngoài); Năm 2021 lao động có việc làm 125 lao động (trong đó có 05 lao động nước ngoài).

- Về Giảm nghèo

Hàng năm có kế hoạch quy trình rà soát hộ nghèo và kế hoạch giảm nghèo nhằm giúp người dân giảm nghèo theo từng năm có số liệu cụ thể : năm 2012 có 67 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 12,88%; năm 2013 có 47 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 10,06%, năm 2014 có 36 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 7,39%; năm 2015 có 21 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 4,22%; năm 2016 có 22 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 4,67%; năm 2017 có 21 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 5,22%, năm 2018 có 19 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 3,48%, năm 2019 có 17 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 2,97%, năm 2020 có 13 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 2,25%, năm 2021 có 12 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 2,03%

- Về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp: Trong thời gian qua luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Ban Thường vụ Đảng ủy, HĐND, sự vào cuộc của các ban, ngành, đoàn thể trong công tác tuyên truyền BHYT, BHXH tự nguyện các quyền lợi được thụ hưởng từ các Nghị quyết của HĐND xã ngày càng được người dân quan tâm, hưởng ứng. Cấp phát thẻ BHYT cho các đối tượng đầy đủ, kịp thời, đảm bảo quyền lợi BHYT khi phát sinh chi phí KCB.

Ban hành các văn bản chỉ đạo xây dựng Kế hoạch rà soát đối tượng hộ nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình và các văn bản đôn đốc thực hiện phối hợp tuyên truyền, vận động các chủ hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tham gia BHXH tự nguyện;...

Hàng năm, với vai trò là đại lý thu trong triển khai thực hiện chính sách BHXH tự nguyện trên địa bàn, UBND xã đã phối hợp với BHXH thị xã Hương Thủy; Hội Liên hiệp Phụ nữ xã đề vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế > 95%; BHXH tự nguyện trên địa bàn xã đạt chỉ tiêu của UBND thị xã

- Về trợ giúp xã hội:

Thực hiện Thông tư 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của bộ Lao động-Thương Binh và xã hội quy định về mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện. Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội cụ thể :

Năm 2016 có 73 đối tượng, năm 2017 có 80 đối tượng, năm 2018 có 92 đối tượng, năm 2019 có 94 đối tượng, năm 2020 có 102 đối tượng, năm 2021 có 105 đối tượng; năm 2022: 108 đối tượng

- Về đảm bảo giáo dục tối thiểu: UBND thị xã đã có quyết định công nhận Phổ cập giáo dục - Xóa mù chữ năm 2021 gồm: Đạt chuẩn Phổ Mầm non cho trẻ 5 tuổi; đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học, giáo dục Trung học cơ sở Mức độ 3 và đạt chuẩn phổ cập Xóa mù chữ Mức độ 2; Chỉ đạo trường TH&THCS Dương Hoà lập hồ sơ đề nghị công nhận lại trường đạt chuẩn văn hoá giai đoạn 2016 - 2021.

Hệ thống các chế độ, chính sách đối với phát triển GD&ĐT về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tạo cơ hội tiếp cận giáo dục bình đẳng, công bằng cho các đối tượng đã

tương đối đầy đủ, đồng bộ, giúp cho việc thực hiện các chính sách thuận lợi, đúng quy định ở hầu hết các địa phương.

Đến năm 2022, tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 60 là 97,65%, tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 35 là 100%. Tỷ lệ trẻ em khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận với giáo dục và tham gia học tập ở cấp tiểu học và THCS tăng...

- Về đảm bảo nước sạch và bảo vệ môi trường: đã có chuyển biến tích cực, có 5/5 thôn triển khai thu gom và xử lý rác thải đạt 100 %; tỷ lệ người dân được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch đạt 100%

- Về đảm bảo nhà ở: UBND xã Dương Hòa đã triển khai thực hiện sửa chữa nhà ở theo quyết định 48/QĐ-TTg, số lượng sửa chữa là 19 nhà / 22 nhà, 03 nhà còn lại không có nhu cầu sửa chữa. Thị xã phân bổ số tiền: 264.000.000đ/ 22 nhà, UBND xã đã làm thủ tục và giải ngân số tiền: 228.000.000/ 19 nhà; còn lại số tiền: 36.000.000đ đã trả lại kho bạc. Hiện nay Ngân sách UBND xã không tồn đọng số tiền chưa giải ngân. Đã kịp thời giải ngân số tiền hỗ trợ sửa chữa nhà ở, không để chậm trễ tiền hỗ trợ của các hộ hưởng lợi

- Về đảm bảo thông tin truyền thông: Thực hiện tốt công tác tuyên truyền cổ động trực quan bằng rôn, khẩu hiệu chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh, của thị xã và các nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trên địa xã được 135 băng rôn. Phục vụ tăng âm, loa đài: 28 buổi. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền lưu động cuộc bầu cử Đại biểu quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Làm tốt công tác tuyên truyền lưu động cuộc bầu cử Quốc hội khóa XV và Đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Ban hành các kế hoạch, văn bản tổ chức thành công Đại hội TDTT

3. Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kết luận số 92-KL/TW

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết, công tác chăm lo chính sách xã hội có bước tiến bộ, đạt nhiều kết quả tích cực, hoàn thành trước thời hạn nhiều mục tiêu thiên niên kỷ; cải thiện chỉ số phát triển, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và nâng cao phúc lợi xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Nhận thức và ý thức trách nhiệm của các cấp uỷ, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân về chính sách xã hội có sự chuyển biến tích cực, rõ rệt. Đã huy động được sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực, sâu rộng của mọi tầng lớp nhân dân; phát huy truyền thống tốt đẹp, đoàn kết, tương thân, tương ái của dân tộc. Hệ thống chính sách xã hội cơ bản đồng bộ, toàn diện, bảo đảm quyền an sinh xã hội của người dân. Chính sách người có công được quan tâm đặc biệt, đời sống người có công không ngừng được nâng cao. Trên địa bàn xã hiện nay không có người có công thuộc hộ nghèo. Thực hiện có hiệu quả chính sách giảm nghèo bền vững, là điểm sáng được quốc

tế đánh giá cao. Người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người yếu thế được Nhà nước và xã hội trợ giúp thường xuyên, kịp thời, hiệu quả. Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế ngày càng mở rộng và trở thành trụ cột quan trọng của an sinh xã hội. Hệ thống dịch vụ xã hội được cải thiện, cơ bản bảo đảm quyền học tập, y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin truyền thông của nhân dân. Hiện nay 100% người có công và người hưởng chính sách bảo trợ xã hội đều có tài khoản ngân hàng và đều được hưởng chính sách không bằng tiền mặt, được tiếp cận hệ thống dịch vụ chuyên nghiệp của Ngân hàng Viettinbank.

4. Những hạn chế, yếu kém, nguyên nhân trong quá trình thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW, kết luận số 92-KL/TW

Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được, việc thực hiện một số chính sách xã hội còn có những hạn chế, bất cập. Mức trợ cấp xã hội còn thấp, chất lượng an sinh xã hội có mặt còn hạn chế, đời sống của một bộ phận dân cư còn nhiều khó khăn. Hệ thống quản lý còn bất cập, các phần mềm quản lý các đối tượng trong quá trình sử dụng vẫn thường xuyên xảy ra lỗi hệ thống

Những hạn chế, bất cập nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân có lúc chưa được quan tâm đúng mức. Chính sách xã hội nhiều, nhưng còn dàn trải.

Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về chính sách xã hội giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, thể chế hoá Nghị quyết, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức và nhân dân về chính sách xã hội. Xác định rõ chính sách xã hội chăm lo cho người dân là nhiệm vụ chiến lược, là trách nhiệm thường xuyên của Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân và toàn xã hội; đặt con người vào trung tâm chính sách; phát triển kinh tế phải gắn liền với phát triển, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; phát huy truyền thống văn hoá tốt đẹp, đoàn kết, "tương thân, tương ái" của dân tộc ta.

2. Phát triển hệ thống chính sách xã hội toàn diện, bao trùm và bền vững. Tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao hiệu quả trong tổ chức thực hiện. Đặc biệt, quan tâm chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, bảo đảm người có công và gia đình người có công với cách mạng có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn. Tiếp tục thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững tiếp cận với chuẩn nghèo đa chiều. Xây dựng và triển khai hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng toàn diện, bao trùm, bền vững.

3. Tuyên truyền và vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội đạt tỷ lệ >95%, tuyên truyền về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, phù hợp, đa dạng, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế, hướng tới bảo hiểm xã hội toàn dân; nhất là bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với khu vực nông nghiệp, lao động phi chính thức; làm thay đổi nhận thức và thói quen của người dân tham gia bảo hiểm xã hội. Hoàn thiện chính sách trợ giúp xã hội linh hoạt, phù hợp, đáp ứng kịp thời nhu cầu cơ bản của các nhóm yếu thế, người dân và cộng đồng bị rủi ro do thiên tai, dịch bệnh; ưu tiên hơn nữa đối với vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu.

4. Thực hiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, xây dựng và nâng cao chất lượng xã hội học tập, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục. Chú trọng đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực gắn với quá trình cơ cấu lại nền kinh tế. Quan tâm giải quyết việc làm cho thanh niên, lao động trung niên, lao động yếu thế và lao động nữ. Thực hiện chăm sóc sức khoẻ và bảo hiểm y tế toàn dân; nâng cao chất lượng dân số, chất lượng y tế cơ sở và y tế dự phòng. Nâng cao hiệu quả thực hiện các chương trình nhà ở xã hội.

5. Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, linh hoạt cả về chất lượng và số lượng theo hướng chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu và khả năng tiếp cận của các nhóm đối tượng, nhất là đối tượng yếu thế. Phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc xã hội tại cộng đồng; phát huy vai trò của gia đình; phát triển đội ngũ chuyên nghiệp làm công tác xã hội. Tổng kết, nhân rộng các mô hình chăm sóc, trợ giúp xã hội.

6. Hiện đại hoá hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách xã hội. Hoàn thiện chính sách xã hội đồng bộ, khắc phục chồng chéo, trùng lặp. Nâng cao hiệu quả quản lý và tổ chức thực hiện chính sách xã hội. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thống nhất số hoá cơ sở dữ liệu; phát triển hệ thống quản lý và các ứng dụng công nghệ thông tin; có cơ chế quản lý, cập nhật, khai thác, chia sẻ dữ liệu và thông tin; xây dựng mã số an sinh xã hội. Cải cách tài chính đối với chính sách xã hội trên cơ sở quản trị hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, thanh toán điện tử thông qua hệ thống hoá, trên nền tảng cơ sở dữ liệu tập trung.

7. Tăng cường nguồn lực thực hiện chính sách xã hội. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm nguồn lực thực hiện chính sách xã hội tương xứng với khả năng, điều kiện phát triển kinh tế, bảo đảm dịch vụ xã hội cơ bản tối thiểu cho người dân; trợ giúp người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Có cơ chế, chính sách khuyến khích, huy động

sự tham gia, đóng góp của cộng đồng xã hội, các doanh nghiệp và người dân. Động viên, khuyến khích các đối tượng khó khăn, gia đình chính sách chủ động, tích cực vươn lên thoát nghèo và làm giàu.

Kiến nghị, đề xuất: Không

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 “ về một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020” và kết luận số 92-KL/TW, ngày 05/11/2020 của Bộ chính trị. UBND xã báo cáo UBND Thị xã, Ban thường vụ Đảng uỷ xã biết để có ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND thị xã (b/c);
- TV. Đảng uỷ, TT.HĐND xã (b/c);
- UBMTTQVN và các đoàn thể xã;
- CT, PCT UBND xã (t/h);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Phần

